SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI TP ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG TRUNG CẤP NGHỀ GTCC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN CHẾ XE LỚP 48002K23D024&D025 KHÓA 1423 HẠNG D

Stt	Họ và tên học viên	Ngày sinh	Địa chỉ	xe	Ghi chú
1	NGUYỄN VĂN BẢO	06/04/1996	P. Hòa Xuân, Q. Cẩm Lệ, TP. Đà Nẵng	*43B-035.68 Ca1 Bùi Kiến Quốc*	B2 -> D
2	NGUYỄN TRUNG ĐỨC	06/10/1993	X. Ea Đar, H. Ea Kar, T. Đắk Lắk		B2 -> D
3	LÊ QUANG HUY	30/07/1991	X. Cẩm Hà, TP. Hội An, T. Quảng Nam		B2 -> D
4	NGUYỄN VIẾT LONG	11/01/1968	X. Điện Trung, TX. Điện Bàn, T. Quảng Nam		B2 -> D
5	ĐỖ VĂN SANH	29/06/1994	X. Duy Vinh, H. Duy Xuyên, T. Quảng Nam		B2 -> D
6	PHẠM NGỌC ANH	21/07/1985	P. Bình Hiên, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng		C -> D
7	NGUYỄN KIM NAM	19/11/1985	X. Cẩm Hà, TP. Hội An, T. Quảng Nam		C -> D
8	TRƯƠNG NGỌC SƠN	10/03/1988	P. Hòa Thọ Đông, Q. Cẩm Lệ, TP. Đà Nẵng		C -> D
9	NGUYỄN VĂN CÔNG	04/11/1995	P. Hòa Khánh Bắc, Q. Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng	*43B-035.68 Ca2 Vương Văn Tiến*	B2 -> D
10	LÊ ĐỨC DŨNG	09/07/1993	X. Điện Tiến, TX. Điện Bàn, T. Quảng Nam		B2 -> D
11	NGUYỄN ĐẮC HUY	26/03/1980	TT. Nam Phước, H. Duy Xuyên, T. Quảng Nam		B2 -> D
12	TRẦN TRỌNG PHÁT	01/01/1979	P. Hòa Minh, Q. Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng		B2 -> D
13	BÙI QUỐC TRÍ	16/10/1970	P. Hòa Thuận Đông, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng		B2 -> D
14	NGUYỄN QUỐC HIỆP	22/10/1991	TT. Nàng Mau, H. Vị Thuỷ, T. Hậu Giang		C -> D
15	NGUYỄN QUỐC NGỌC	05/04/1993	TT. Nam Phước, H. Duy Xuyên, T. Quảng Nam		C -> D
16	NGUYỄN HỮU PHI VŨ	12/12/1987	P. Hòa Khê, Q. Thanh Khê, TP. Đà Nẵng		C -> D

Đà Nẵng, ngày 17 tháng 11 năm 2023

PHÒNG ĐÀO TẠO

(Đã ký)

Bùi Thế Hiển